TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Thanh Giang

2. Bà Phạm Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 122/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 2000; Trú tại: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1997; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2020. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó đến đầu năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói

chung. Cả hai đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân. Do không còn tình cảm với ông T nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T, bà L không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim L đồng ý để ông Nguyễn Xuân T nuôi 02 con chung là Nguyễn Hải N, sinh ngày 30/4/2018 và Nguyễn Dư H, sinh ngày 28/10/2019; không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản làm việc, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị Kim L đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2020. Quá trình chung sống không hạnh phúc và hai vợ chồng đã sống ly thân từ hơn 04 năm nay. Ông Nguyễn Xuân T đồng ý ly hôn với bà L, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Ông Nguyễn Xuân T yêu cầu nuôi 02 con chung là Nguyễn Hải N, sinh ngày 30/4/2018 và Nguyễn Dư H, sinh ngày 28/10/2019; không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T, không cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung: Ông Nguyễn Xuân T yêu cầu nuôi 02 con chung là Nguyễn Hải N, sinh ngày 30/4/2018 và Nguyễn Dư H, sinh ngày 28/10/2019; ghi nhận ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L, bị đơn ông Nguyễn Xuân T có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông T là phù hợp với Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Nguyễn Xuân T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2020 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Ông T đồng ý yêu cầu ly hôn của bà L. Quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông T đều yêu cầu ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Điều này cho thấy bà L và ông T đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn gắn tình cảm cho bà L và ông T không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà L và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T là phù hợp quy định pháp luật. Bà L, ông T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà L và ông T 02 con chung là Nguyễn Hải N, sinh ngày 30/4/2018 và Nguyễn Dư H, sinh ngày 28/10/2019, hiện đang sống với ông T. Bà Nguyễn Thị Kim L đồng ý để ông T nuôi con chung, ông T yêu cầu được nuôi hai con chung. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Ông T hiện có công việc, thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con. Để đảm bảo việc phát triển bình thường về vật chất, tâm lý và tinh thần cũng như ổn định về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho con chung nên 02 con chung là Nguyễn Hải N, sinh ngày 30/4/2018 và Nguyễn Dư H, sinh ngày 28/10/2019 cho ông

Nguyễn Xuân T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông T tự nguyện không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà L trình bày tự thỏa thuận; ông T khai không có nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà L, ông T khai không có nên không xét đến.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim L đối với ông Nguyễn Xuân T. Bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Xuân T chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Xuân T không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Xuân T được nuôi 02 con chung là Nguyễn Hải N, sinh ngày 30/4/2018 và Nguyễn Dư H, sinh ngày 28/10/2019. Bà Nguyễn Thị Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Nguyễn Xuân T tự nguyện không yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị Kim L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày tự thỏa thuận; ông Nguyễn Xuân T khai không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Xuân T khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0009903 ngày 28/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp xong án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Phú;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền